

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI



Gia Lai, ngày 04 tháng 10. năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Cơ sở pháp lý, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ:.....	3
Điều 3. Đối tượng có trách nhiệm thực hiện CBTT.....	4
Điều 4. Nguyên tắc thực hiện CBTT.....	5
Điều 5. Ngôn ngữ CBTT.....	5
Điều 6. Người thực hiện CBTT của Công ty	5
CHƯƠNG II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	6
Điều 7. Thời hạn và nội dung CBTT	6
Điều 8. Phương tiện báo cáo, CBTT.....	6
Điều 9. Quy trình CBTT	6
Điều 10. Tạm hoãn CBTT.....	7
Điều 11. Trách nhiệm cung cấp thông tin.....	7
CHƯƠNG III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	8
Điều 12. Trách nhiệm thi hành.....	8
Điều 13. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế.....	8
Điều 14. Hiệu lực thi hành	8

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

(Ban hành theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18.../23/NQHDQT-HAGL ngày 04 tháng 10 năm 2023)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế công bố thông tin được xây dựng trên cơ sở các văn bản pháp lý sau đây:
 - a. Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - b. Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - c. Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - d. Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC được Bộ tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - e. Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Công ty con theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
 - f. Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai.
2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc công bố thông tin của Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và quy định việc phối hợp giữa các phòng, ban, tổ chức, cá nhân có liên quan tới việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.
3. Đối tượng áp dụng: Áp dụng cho các phòng, ban, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giải thích từ ngữ:

1. Trong Quy chế này, các chữ viết tắt sau đây được hiểu như sau:
 - a. “**Công ty**” là Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai;
 - b. “**Điều lệ**” là điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua từng thời điểm;
 - c. “**UBCKNN**” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - d. “**SGDCK**” là Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - e. “**VNX**” là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
 - f. “**ĐHĐCĐ**” là Đại hội đồng cổ đông;

- g. “**HĐQT**” là Hội đồng quản trị;
 - h. “**BCTC**” là Báo cáo tài chính;
 - i. “**CBTT**” là công bố thông tin;
 - j. “**Quy chế**” là Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai.
2. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:
- a. “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - b. “**Luật Chứng khoán**” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - c. “**Nghị định 155**” có nghĩa là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
 - d. “**Thông tư 96**” có nghĩa là Thông tư số 96/2020/TT-BTC được Bộ tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán;
 - e. “**Quy chế VNX**” có nghĩa là Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Công ty con theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
 - f. “**Người nội bộ**” của Công ty là tất cả thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm; các thành viên Ban kiểm soát, Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền CBTT;
 - g. “**Người phụ trách quản trị công ty**” là cá nhân được HĐQT của Công ty bổ nhiệm để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty;
 - h. “**Người có liên quan**” của Công ty là các cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - i. “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 3. Đối tượng có trách nhiệm thực hiện CBTT

- 1. Phòng, ban, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nghĩa vụ CBTT của Công ty theo quy định của pháp luật;
- 2. Người nội bộ;
- 3. Người có liên quan;

4. Cổ đông lớn, nhóm người liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
5. Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
6. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện CBTT

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và Quy chế này.
2. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân, tổ chức đó đồng ý.
3. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
4. Các đối tượng quy định tại Điều 3 Quy chế này khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.
5. Việc CBTT của Công ty phải do người thực hiện CBTT thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Quy chế này.
6. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:
 - a. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
 - b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

Điều 5. Ngôn ngữ CBTT

Ngôn ngữ CBTT là tiếng Việt.

Điều 6. Người thực hiện CBTT của Công ty:

1. Việc CBTT của Công ty do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền CBTT thực hiện.
2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Tổng giám đốc phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT;
3. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

CHƯƠNG II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Thời hạn và nội dung CBTT

Thời hạn và nội dung CBTT được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Quy chế này.

Điều 8. Phương tiện báo cáo, CBTT

1. Các phương tiện báo cáo, CBTT bao gồm:
 - a. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
 - b. Hệ thống CBTT của UBCKNN;
 - c. Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK, Quy chế của VNX;
 - d. Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).
2. Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK và VNX.

Điều 9. Quy trình CBTT

Quy trình CBTT của Công ty được thực hiện theo trình tự như sau:

1. Bước 1. Gửi thông tin

Khi phát sinh các sự kiện phải CBTT theo quy định tại Phụ lục 01 Quy chế này, phòng, ban, tổ chức, cá nhân có liên quan phải ngay lập tức liên hệ và gửi thông tin đến Người phụ trách quản trị Công ty. Các phòng, ban, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thông báo đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin phát sinh để Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện việc xử lý thông tin, CBTT và báo cáo đúng thời gian theo quy định của Luật Chứng khoán, Nghị định 155 và Thông tư 96.

2. Bước 2. Xử lý thông tin

Khi nhận được sự kiện cần CBTT do các phòng, ban, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp, Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện theo trình tự:

- Kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về CBTT để xác định nội dung thông tin phát sinh có thuộc trường hợp phải CBTT theo quy định của pháp luật hay không;
- Soạn thảo văn bản CBTT theo quy định của pháp luật.

3. Bước 3. Phê duyệt

Người thực hiện CBTT của Công ty phê duyệt nội dung CBTT trước khi thực hiện công bố.

4. Bước 4. Báo cáo và CBTT

1. Người phụ trách quản trị Công ty đăng tải nội dung CBTT lên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Đồng thời, gửi văn bản CBTT và các tài liệu liên quan đến hệ thống CBTT của UBCKNN, SGDCK, phương tiện thông tin đại chúng khác (nếu có) đúng thời hạn đối với từng loại nội dung CBTT (định kỳ, bất thường và theo yêu cầu) theo quy định của pháp luật.
2. Các phòng, ban, tổ chức, cá nhân đã cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra ngay và thông báo cho Người phụ trách quản trị Công ty/Người thực hiện CBTT nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời đính chính.

5. Bước 5. Bảo quản, lưu trữ thông tin

Các nội dung được CBTT và tài liệu liên quan được bảo quản, lưu trữ theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Quy chế này.

Điều 10. Tạm hoãn CBTT

1. Đối tượng CBTT được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng CBTT phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm cung cấp thông tin

1. Đối tượng có trách nhiệm thực hiện CBTT theo quy định tại Quy chế này có thể cung cấp thông tin thông qua các phương thức sau:
 - a. Trao đổi thông qua email, tin nhắn văn bản;
 - b. Trao đổi trực tiếp thông qua các buổi họp, gặp mặt;
 - c. Qua điện thoại;
 - d. Bằng văn bản.

2. Đối tượng có trách nhiệm thực hiện CBTT phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin phát sinh để Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện việc xử lý thông tin, CBTT và báo cáo đúng thời gian theo quy định của Luật chứng khoán, Nghị định 155 và Thông tư 96. Nội dung thông tin được cung cấp phải bao gồm tài liệu liên quan (nếu có).
3. Mọi sai sót, chậm trễ gây ảnh hưởng đến việc CBTT do đối tượng có trách nhiệm thực hiện CBTT chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).

CHƯƠNG III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn thực hiện Quy chế này.
2. Các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 1 có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện Quy chế này.
3. Mọi hành vi vi phạm các quy định trong Quy chế này đều bị xử lý tương ứng với mức độ và tính chất vi phạm, đồng thời phải bồi thường các thiệt hại (nếu có) do hành vi vi phạm gây ra theo quy định của Công ty và có thể bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế

1. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm rà soát định kỳ Quy chế này và đề xuất các sửa đổi, bổ sung, thay thế cần thiết.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do HĐQT Công ty quyết định.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế CBTT của Công ty bao gồm 3 chương 14 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04. tháng 10. năm 2023.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC

PHỤ LỤC 01
NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN CBTT
PHẦN 1:
CBTT ĐỊNH KỲ

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT	MẪU CBTT	GHI CHÚ
I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH				
1.	BCTC năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.		
2.	BCTC bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.		
3.	BCTC quý	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.		
	BCTC quý được soát xét (nếu có)	05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát		

		xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.		
4.	Văn bản giải trình liên quan BCTC khi: - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.	CBTT văn bản giải trình cùng lúc với BCTC.		
II. CÁC LOẠI BÁO CÁO KHÁC				
1.	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Phụ lục IV Thông tư 96	
2.	Báo cáo tình hình quản trị công ty	Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	Phụ lục V Thông tư 96	

III. CBTT VỀ CUỘC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN					
1.	CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.			
2.	CBTT tài liệu họp bao gồm thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.			
3.	CBTT về ứng cử viên HĐQT và BKS	Tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ.			Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT và BKS
4.	Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết	Trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ.			

PHẦN 2: BÁO CÁO VÀ CBTT BẤT THƯỜNG

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT	MẪU CBTT	GHI CHÚ
I. CBTT CUỘC HỌP ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG HOẶC LÁY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẢNG VẤN BÀN				
1.	Thông tin về cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường		Thực hiện theo mục III Phần I Phụ lục này.	Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
 CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT	MẪU CBTT	GHI CHÚ
				về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của các cổ đông không phải là cổ đông lớn.
2.	Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	10 ngày trước thời hạn phải gửi lại Phiếu lấy ý kiến	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.	
II. CBTT LIÊN QUAN TỚI HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN				
CBTT trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện				
1.	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty.			
2.	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ).			
3.	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).			

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT	MẪU CBTT	GHI CHÚ
IV. CBTT KHI CÓ BIẾN ĐỘNG VỀ NGƯỜI NỘI BỘ				
CBTT trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện				
1.	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ.		Phụ lục I Quy chế VNX; Bản cung cấp thông tin của người nội bộ theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư 96	
2.	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.			
IV. CBTT KHI CÓ SỰ THAY ĐỔI QUAN TRỌNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY				
CBTT trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện				
1.	Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.			

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT	MẪU CBTT	GHI CHÚ
2.	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.		Đối với thông tin công bố về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện CBTT theo mẫu tại Phụ lục III Quy chế VNX	
3.	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.			
4.	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.			
5.	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu			

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT	MẪU CBTT	GHI CHÚ
	trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.			
6.	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất.			
7.	Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.			
8.	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình hình quản trị của Công ty.			
9.	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.			
10.	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.			
V. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY				

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT	MẪU CBTT	GHI CHÚ
CBTT trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện				
1.	Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.			
2.	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.			
	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau: - Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người			
3.				



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT	MẪU CBTT	GHI CHÚ
	lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin			
4.	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.			
5.	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.			

PHẦN 3:
BÁO CÁO VÀ CBTT THEO YÊU CẦU

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT	MẪU CBTT	GHI CHÚ
1.	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK		Nội dung CBTT phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK, yêu cầu công bố; nguyên nhân; mức độ xác thực của sự kiện đó.
2.	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.			

PHẦN 4:
CBTT VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA CÔNG TY

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT	MẪU CBTT	GHI CHÚ
1.	CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.			Công ty thực hiện nghĩa vụ CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.
2.	Công ty phải CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, SGDCK, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống CBTT của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.			
3.	CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ. • Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về	Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán		

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT	MẪU CBTT	GHI CHÚ
	việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10%.	việc mua lại cổ phiếu.		
4.	Thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.		
5	Chế độ báo cáo và CBTT liên quan tới phát hành trái phiếu ra công chúng.			Thực hiện chế độ báo cáo và CBTT liên quan tới phát hành trái phiếu ra công chúng.
6	Chế độ báo cáo và CBTT liên quan tới phát hành trái phiếu riêng lẻ.			Thực hiện chế độ báo cáo và CBTT theo quy định của pháp hành trái phiếu riêng lẻ.

PHẦN 5:
CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT	MẪU CBTT	GHI CHÚ
I. CBTT CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ				
1.	Việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, kể cả cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...	Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày thực hiện giao dịch		
2.	Người nội bộ và Người có liên quan làm Báo cáo về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV Thông tư 96	
3.	Công ty chứng khoán là Người có liên quan của Người nội bộ của Công ty niêm yết phải thực hiện báo cáo khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu của Công ty.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.		
II. CBTT CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÓM NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA CÔNG TY				
1.	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông	Trong thời hạn 05 ngày	Phụ lục VII Thông tư 96	

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

	lớn của Công ty phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK.	làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.		Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán
2.	Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và SGDCK.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi.	Phụ lục VIII Thông tư 96	